TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-ST
Ngày: 03-01-2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Đào
Ông Trần Văn Nhâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03/01/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2017/TLST-DS, ngày 27/4/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2017/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nhâm Thị T - Sinh năm 1970 (có mặt);
Địa chỉ: ấp An Hòa, xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim D – Sinh năm 1979 (có mặt);
Anh Nguyễn Minh P – Sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp An Lợi, xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
- *Người làm chứng:* Ngô Thị Thúy D – sinh năm 1977, Nguyễn Thị C – sinh năm 1968, cùng địa chỉ: ấp An Hòa, xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
- Đoàn Thị L – sinh năm 1983, Hứa Tiểu P – sinh năm 1984, Nguyễn Thị C – sinh năm 1967, cùng địa chỉ: ấp An Trung, xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
- Lái Cao N – sinh năm 1987, địa chỉ: ấp 2, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
- Trần Xuân H – sinh năm 1983, Dương Kim M – sinh năm 1981, Phan Loan P – sinh năm 1976, Đoàn Thị L – sinh năm 1983, cùng địa chỉ: ấp An Bình, xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang,
- Danh C – sinh năm 1970, địa chỉ: ấp An Lợi, xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

(Tất cả người làm chứng đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nhâm Thị Thủy trình bày:

Vào năm 2010, chị Nhâm Thị T có cho chị Nguyễn Thị Kim D vay số tiền 31.500.000đ, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn vay thì khi nào có tiền sẽ trả đủ không thì cứ trả lãi hàng tháng, chị D có đóng lãi cho chị được vài tháng thì không đóng nữa cũng không trả vốn, chị T có trực tiếp đòi nhiều lần nhưng chị D chỉ hứa hẹn mà không trả.

Quá trình chị T cho chị D vay số tiền 31.500.000đ, 02 bên thỏa thuận với nhau cho chị Thủy chơi 01 chân hụi 500.000đ và 01 chân hụi 1.000.000đ, cụ thể như sau:

- Chân hụi 1.000.000đ: Xổ tháng 10/2011, có 18 chân, hụi mãn tháng 3/2013, chị Thủy đóng được 5.000.000đ.

- Chân hụi 500.000đ: Xổ tháng 6/2011, có 42 chân, hụi chưa mãn thì chị D bể hụi, chị T đóng được 3.444.000đ.

Thời gian đầu chị D có đóng lãi được khoảng 10.000.000đ, chị đã đóng hụi đầy đủ, sau đó, chị D không đóng lãi cho chị nữa từ tháng 3/2010, chị đòi tiền lãi thì chị D nói tràn qua 02 chân hụi rồi.

Ngoài tiền lãi chị D tràn qua hụi, chị đã bỏ ra đóng cho chị D số tiền 8.444.000đ nhưng đến khi mãn hụi chị D lại không chung hụi cho chị.

Nguyện vọng: Chị Nhâm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Kim D cùng chồng là Nguyễn Minh P trả đủ 01 lần cho chị số tiền vay gốc 31.500.000đ, tiền lãi tính theo quy định nhà nước từ tháng 3/2010 đến tháng 11/2017 là 92 tháng bằng 24.000.000đ và tiền hụi 8.444.000đ tổng cộng là 63.944.000đ, không yêu cầu đòi tiền hụi mãn như trước đây.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại bản tự khai ngày 04/5/2017, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim D, anh Nguyễn Minh P trình bày:

Chị D thừa nhận vào năm 2010 có vay tiền của chị T, có đóng lãi cho chị T đầy đủ theo lãi suất 02 bên thỏa thuận 5%/tháng đến tháng 4 năm 2013 thì không còn khả năng trả vốn, lãi cho chị T nữa nên đến nay còn nợ chị T tiền vay gốc 31.500.000đ. Chị T yêu cầu chị trả 24.000.000đ tiền lãi thì chị cũng đồng ý trả.

Còn về tiền hụi, 01 chân 1.000.000đ và 01 chân 500.000đ một tháng, lúc đầu chị đóng lãi cho chị T, chị T đóng hụi lại cho chị, do thời gian đã lâu nên không nhớ đã đóng lãi được mấy tháng và đóng hụi mấy tháng, số tiền mà chị T khai tại tòa đã đóng cho chị là 8.444.000đ, chị thừa nhận và đồng ý trả số tiền hụi này cho chị T. Còn tiền chị đóng lãi cho chị T, chị T đóng hụi lại thì không yêu cầu tính lại nữa vì không có ghi sổ sách gì hết.

Đồng bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Minh P xin vắng mặt nhưng có ý kiến thống nhất với ý kiến của vợ là chị D, chị D thừa nhận bao nhiêu thì anh đồng ý bấy nhiêu để cùng vợ trả nợ cho cô T.

Nguyện vọng: Chị D, anh P đồng ý trả cho cô T số tiền vay 31.500.000đ + tiền lãi 24.000.000đ + Tiền hụi 8.444.000đ tổng cộng là 63.944.000đ nhưng hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần hàng tháng 500.000đ.

Người làm chứng Ngô Thị Thúy D, Đoàn Thị L, Lái Cao Ng, Trần Xuân H, Hứa Tiểu P, Dương Kim M, Phan Loan P, Đoàn thị L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị C đều trình bày: Chị Nguyễn Thị Kim D có đứng ra tổ chức góp hụi do chị làm chủ, trong đó có dây hụi 500.000đ và 1.000.000đ nhưng không có giao danh sách chơi hụi cho hụi viên, chị Nhâm Thị T có tham gia chơi trong cả 02 dây hụi này nhưng chị T chơi bao nhiêu chân và hốt hụi chưa thì không biết.

Ông Danh C trình bày: Ông là chủ tịch Công đoàn trường, tại buổi làm việc thì có chị T và chị D tham gia. Chị T có trình bày chị D thiếu 31.500.000đ tiền vay và 34.500.000đ tiền hụi. Còn chị D có ý kiến thống nhất nợ và nói sẽ trả từ từ cho các thầy cô có mặt tại buổi làm việc.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: HĐXX tuân thủ đúng quy định pháp luật từ giai đoạn thụ lý đến xét xử vụ án. Tuy nhiên, có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử cần khắc phục.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ và đã được chị Dthừa nhận nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc chị D phải trả số tiền 63.944.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại nên chị Nhâm Thị T khởi kiện chị Nguyễn Thị Kim D, anh Nguyễn Minh P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tại phiên Tòa, anh Nguyễn Minh Plà đồng bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ Điều 228 BLTTDS vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Vào năm 2010, giữa chị Nhâm Thị T và chị Nguyễn Thị Kim D có thỏa thuận giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau, chị T cho chị D vay nhiều lần, tổng cộng là 31.500.000đ, 02 bên chỉ thỏa thuận miệng không có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, vay không thời hạn. Ngoài ra, chị Nguyễn Thị Kim D cũng thừa nhận chị T có tham gia chơi 01 chân trong dây hụi 500.000đ/tháng và 01 chân trong dây hụi 1.000.000đ do chị làm chủ. Có đóng hụi được một thời gian, sau này chị T kêu chị D lấy tiền lãi lắp qua tiền hụi nhưng chị D không đồng ý nên không tiếp tục thực hiện việc góp hụi này nữa.

[3] Xét giao dịch vay tài sản giữa chị D là tự nguyện, tuy nhiên việc thỏa thuận lãi xuất 5%/tháng là không phù hợp theo quy định, sau khi hòa giải các bên đã thống nhất điều chỉnh lãi xuất nợ vay bằng mức lãi cơ bản như quy định của luật trước đây, do vay không thời hạn nên không yêu cầu lãi quá hạn, nợ vốn

chốt lại là 31.500.000đ, nợ lãi tính từ tháng 03/2010 đến tháng 11/2017 bằng 24.000.000đ, chị D đồng ý trả số nợ vay gốc và lãi cho chị Thủy là hoàn toàn phù theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Đối với hợp đồng góp hụi, tại phiên tòa chị T và chị D đều thống nhất không yêu cầu thực hiện hợp đồng góp hụi trước đây, chị đồng ý trả lại 8.444.000đ là số tiền chị T đã đóng hụi và yêu cầu chị phải trả. Phần nhận lãi và đóng hụi mà hai bên không thống nhất được trước đây không yêu cầu tính lại nữa. Xét việc thỏa thuận này cũng là phù hợp theo Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Anh Nguyễn Minh P là chồng của chị D không trực tiếp tham gia giao dịch nhưng anh thừa nhận số nợ này và đồng ý cùng chị D xin trả dần cho chị T mỗi tháng 500.000đ. Tại phiên tòa, chị Thủy không đồng ý việc xin trả dần này, chị yêu cầu vợ chồng chị D, anh P phải trả đủ một lần số tiền trên. Xét thấy, chị D, anh P là người vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo quy định tại Điều 474 BLDS 2005 và nghĩa vụ trả tiền hụi theo Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường nên cần buộc chị D, anh P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp, yêu cầu xin trả dần số nợ trên là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim D, anh Nguyễn Minh P phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 3.197.000đ (63.944.000đ x 5%) do anh chị có lỗi trong vụ kiện này.

Chị Nhâm Thị T được nhận lại 1.650.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, 474 và 479 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Buộc chị Nguyễn Thị Kim D, anh Nguyễn Minh P có nghĩa vụ trả cho chị Nhâm Thị T số tiền 63.944.000đ (sáu mươi ba triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) trong đó: tiền vay gốc 31.500.000đ, tiền lãi 24.000.000đ và 8.444.000đ tiền hụi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị T cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị D, anh P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim D, anh Nguyễn Minh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.197.000đ (ba triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Chị Nhâm Thị T được nhận lại số tiền 1.650.000đ (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005183 ngày 27/4/2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/01/2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Gò Quao;*
- *Chi cục THADS huyện Gò Quao;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Diệu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Diệu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Diệu Hiền